



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

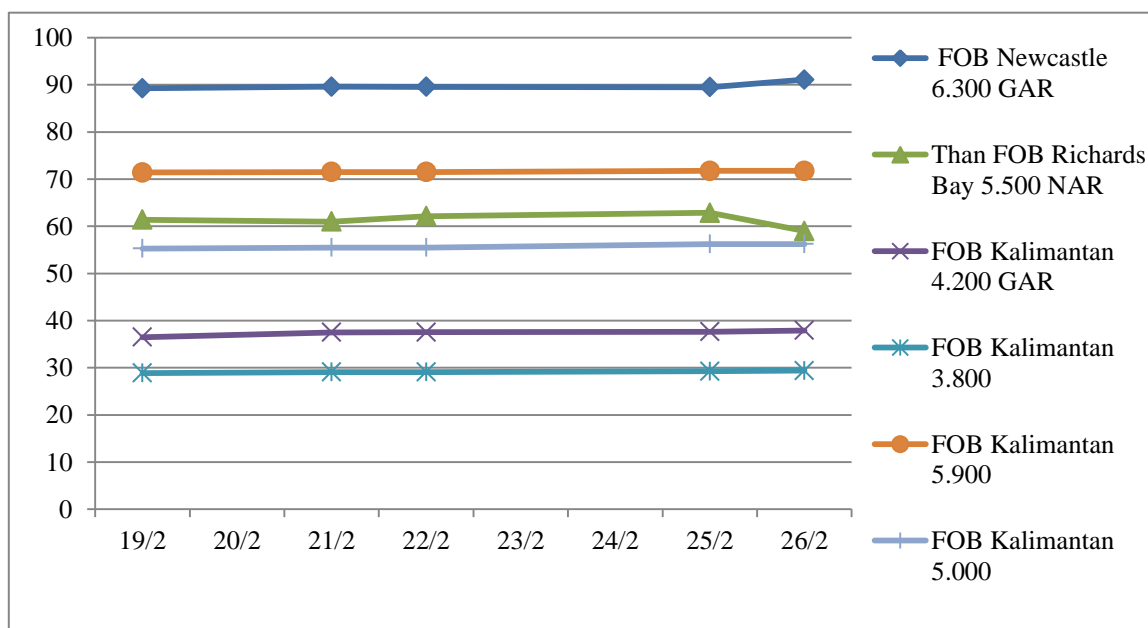
Ngày 5/3/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	91,10	+1,60	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	59,00	+1,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,75	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	56,25	+0,00
FOB Kalimantan 4.200 GAR	37.90	+0.25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 3.800 GAR	29.40	+0.15	N/A	N/A

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	44,40	+0,10	296,14	+0,82
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	62,85	+0,10	419,20	+0,88
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	67,50	+1,00	450,21	+6,89

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 26/2/2019)

ĐIỂM TIN

Lượng than Coal India cung cấp cho ngành điện giai đoạn 4/2018- 2/2019 tăng 7,1% so với năm trước

Coal India (CIL) đã cung cấp 440,8 triệu tấn than cho các NMNĐ trong giai đoạn từ tháng 4/2018 đến tháng 2/2019, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Những nỗ lực này đã giúp giảm số lượng các NMNĐ thiếu than trầm trọng từ chín nhà máy trong tháng 12 năm 2018 xuống còn bốn nhà máy tính đến cuối tháng 2 năm nay. Theo một nhân viên của CIL, khối lượng than trong hợp đồng bao tiêu cung cấp cho ngành điện trong giai đoạn trên đã tăng 29,3% so với năm trước. Từ đó cải thiện lượng than dự trữ tại các tổ phát điện. CIL đã bán 411,5 triệu tấn than cho ngành điện trong giai đoạn từ tháng 4/2017 đến tháng 2/2018. Lượng than vận chuyển cho ngành điện tăng lên nhờ công suất xếp than lên toa tàu hỏa được cải thiện. Tính trung bình, công ty Maharatna (thuộc CIL) đã xếp khoảng 206,2 toa than/ngày cho các NMNĐ so với 198,7 toa trong cùng kỳ năm ngoái, theo đó ghi nhận mức tăng trưởng 3,8%.

Cuối tháng 10 năm ngoái, 28 tổ máy phát điện của Ấn Độ đã phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt than mặc dù CIL đã tăng sản lượng lên 306,4 triệu tấn và cung cấp 340,91 triệu tấn than, ghi nhận mức tăng trưởng 10,1% và 7,4% trong sản lượng khai thác và thương phẩm. Cũng trong thời gian đó, Ấn Độ đã nhập khẩu 133,13 triệu tấn than để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, trong khi một số chuyên gia dự đoán mức nhập khẩu từ đầu năm tài chính đến tháng 1 sẽ đạt 190 triệu tấn. Cuối tháng 12 năm 2018, số lượng các nhà máy trong tình trạng thiếu than trầm trọng đã giảm xuống còn chín nhà máy, một phần do nhu cầu thấp. Trong khi Maharatna cố gắng nâng lượng than dự trữ tại các NMNĐ, lượng than dự trữ tại công ty đã giảm xuống dưới 25 triệu tấn trong tháng 12 năm ngoái. Đến hiện tại, một cán bộ của công ty cho biết: “Tình hình hiện đã được cải thiện và chúng tôi đang có 34,76 triệu tấn than dự trữ”. Công ty khai thác than lớn nhất thế giới này thường giữ lượng than dự trữ ở mức 30 triệu tấn, để cung cấp bất kỳ khi nào nhu cầu lên cao. Lượng than dự trữ thấp hơn mức trên có thể khiến CIL không thể kịp thời phản ứng trước những tình huống khẩn cấp. Tổng sản lượng, tính đến cuối tháng 2, đạt 527,07 triệu tấn, ghi nhận mức tăng trưởng 6,6%, trong khi tổng khối lượng than được phân phối ở mức 548,48 tấn - tăng 4,5% so với năm trước. Một cán bộ của CIL cho biết: “Tính đến cuối tháng 2, chúng tôi đã đạt được 99% mục tiêu sản lượng than trong hợp đồng MoU và 99,5% mục tiêu sản lượng than thương phẩm, tương đương 610 triệu tấn. Thỏa thuận ghi nhớ (MoU) là thỏa thuận giữa nhà nước và các công ty của mình. Tuy nhiên, CIL đã tự đặt mục tiêu trong năm tài chính hiện tại ở mức 652 triệu tấn.

Lượng than nhập khẩu có thể đã tăng cao hơn 1,5 lần nếu Chính phủ không can thiệp

Theo Bộ trưởng ngành Than và Đường sắt, ông Piyush Goyal, lượng than nhập khẩu có thể đã tăng thêm 1,5 lần lên mức gần 380 triệu tấn trong năm tài chính 2017-18 nếu Chính phủ không can thiệp. Trong một cuộc họp báo thông báo thành tựu năm năm của Bộ, ông Goyal cho biết, do can thiệp của chính phủ, nhập khẩu than đã bị hạn chế dưới 200 triệu tấn một năm. Ông Goyal phát biểu: “Gần đây tôi đã xem xét lại hoạt động của Neyveli Lignite Corporation Limited, chi phí điện, sản xuất, chi phí chung và vận chuyển tới DISCOMs (các công ty phân phối điện) đã giảm gần 20% do hiệu suất tăng. Nhìn chung, nếu tính toán chi phí phát điện, phải có sự so sánh với chi phí phát sinh trong vòng năm năm qua, đã được tính toán bởi các chính quyền trước đây”. Ông bổ sung thêm: “Nhiệt trị của than đã tăng lên trong vòng năm năm qua, dẫn đến việc mỗi tổ máy cần ít than hơn để vận hành. Khả năng cung cấp than cho ngành điện cũng đã được cải thiện. Bạn sẽ thấy sự phát triển trong lĩnh vực điện từ việc so sánh tình hình ban quản lý thay đổi ra sao trong thời gian qua”. Báo cáo của Bộ cũng cho biết, khối lượng than cần để tạo ra một đơn vị điện (đặc biệt là điện than), đã giảm 8% từ năm 2014. Coal India Limited cũng đã cải thiện công nghệ khoan, sản lượng khai thác và bao tiêu. Sản lượng than của CIL trong năm tài chính 2017-2018 ở mức 580 triệu tấn so với 471 triệu tấn trong năm 2013-2014.

Singareni Collieries đặt mục tiêu cung cấp 68 triệu tấn than trong năm tài chính 2018-19

Singareni Collieries Company Limited (SCCL), từ đầu năm tài chính tới nay đã cung cấp 61,3 triệu tấn than trong khi mục tiêu là 68 triệu tấn. Từ tháng 4/2018 đến hết ngày 28/2/2019, công ty này đã

khai thác được 58 triệu tấn than, ghi nhận mức tăng trưởng 6% so với 54,6 triệu tấn than trong cùng kỳ tài chính năm trước đó. Ông N Sridhar, chủ tịch và giám đốc điều hành (CMD) của SCCL, cho biết: “Trong giai đoạn tháng 2, công ty đã lập kỷ lục vận chuyển 41 toa than một ngày so với mức trung bình 30 đến 32 toa. Tổng cộng đã có 1.152 toa than được vận chuyển trong tháng 2 và là mức kỉ lục cho đến nay. Vận chuyển được ít nhất 68 triệu tấn trong tháng này có thể giúp chúng tôi đạt được mục tiêu cả năm”. Ban lãnh đạo của Singareni Collieries đã đặt mục tiêu vận chuyển 220.000 tấn than/ngày trong tháng 3 năm 2019 nhằm đạt được mục tiêu sản lượng khai thác và vận chuyển trong năm tài chính này.

Tính đến cuối tháng 2, công ty đã vận chuyển 61,3 triệu tấn than, tăng 5% so với 58,2 triệu tấn được ghi nhận trong cùng kỳ năm ngoái và vượt mức mục tiêu 60 triệu tấn của công ty. Tuy nhiên, thời gian giải quyết tro xỉ tại các mỏ than lộ thiên đã lâu hơn dự kiến. CMD bày tỏ sự cần thiết phải đáp ứng được mục tiêu chung và muốn bộ máy quản lý chuẩn bị các kế hoạch để cung cấp than đúng thời hạn trong giai đoạn mùa mưa của năm tài chính tiếp theo. Hai tổ máy phát điện 600 MW tại NMNĐ Singareni đã được cung cấp 100,05% lượng than cần thiết trong tháng 2. Đây là lần thứ 2 hai tổ máy được cung cấp 100% lượng than trong năm tài chính này.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	<i>Đơn vị: USD/tấn</i>
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,10	+0,00
	Queensland	Nhật Bản	6,70	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	7,55	+0,00
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	10,70	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,00	+0,30
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	10,75	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,70	+0,30
	Australia	Trung Quốc	10,40	+0,25
	Australia	Ấn Độ	11,50	+0,25

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 26/02/2019)